TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 5 năm 2022
"V/v ly hôn và yêu cầu nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hữu Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Hải Đăng

Ông Lê Văn Phúc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021, về việc "*Xin ly hôn và yêu cầu nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Ngọc Tr**, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 10, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Anh **Lê Văn Ch**, sinh năm 1987. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 10, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Ngọc Tr trình bày:

Vào năm 2015, sau thời gian tự tìm hiểu chị Tr đã kết hôn cùng với anh Lê Văn Ch. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc vào ngày 26/11/2015. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình anh Ch.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng hai năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Ch thường xuyên đánh vợ, từ đó hay cãi nhau xay ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 11/2020, hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng. Sau thời gian ly thân, chị Tr xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên tôi yêu cầu ly hôn với anh Ch.

Quá trình chung sốn chị Tr anh Chác xác định có hai con chung là cháu Lê Hoàng Th – sinh ngày 01/5/2014; cháu Lê Thị Kim Đ – sinh ngày 22/5/2018. Hiện nay cháu Th đang sống chung với anh Ch còn cháu Đ đang sống chung với

chị Tr. Khi ly hôn chị Tr xin tiếp tục nuôi cháu Đ không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao cháu Th cho anh Ch nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn Ch có đơn xin vắng mặt theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: anh Ch hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị Tr về thời gian kết hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng là không có gì lớn nên anh không đồng ý ly hôn

Về con chung: Nếu chị Tr kiên quyết ly hôn thì anh Ch xin được nuôi hai cháu là Lê Hoàng Th và Lê Thị Kim Đ, không yêu cầu bà Trinh cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn Ch có hộ khẩu thường trú tại ấp 10, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, chị Trịnh Ngọc Tr yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn Ch và xin nuôi con. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ "*Ly hôn và yêu cầu nuôi con*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với bị đơn Lê Văn Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Ch.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Ch chung sống với nhau từ năm 2015, việc chung sống trên cơ sở là hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và được hai bên gia đình đồng ý, thực hiện đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 192/2015 ngày 26/11/2015, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Ngọc Tr xin được ly hôn với anh Lê Văn Ch với lý do anh Ch thường xuyên đánh vợ, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra bất hòa, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt, thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau từ năm 2020 đến nay, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, nay chị Tr kiên quyết xin ly hôn với anh Ch, trong quá trình giải quyết vụ án anh Ch không đồng ý ly hôn với chị Tr, xét thấy chị Tr không còn yêu thương, quan tâm đến anh Ch nữa, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài từ năm 2020 đến nay, mỗi người hiện nay đã có cuộc sống riêng. Như vậy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, sự mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 xử cho chị Trịnh Ngọc Tr được ly hôn với anh Lê Văn Ch là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Ngọc Tr và anh Lê Văn Ch xác định chị và anh có hai người con chung là cháu Lê Hoàng Th – sinh ngày 01/5/2014; Lê Thị Kim Đ – sinh ngày 22/5/2018. Khi ly hôn chị Tr xin được nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao cháu Th cho anh Ch nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Tr HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Đ do chị Tr nuôi dưỡng, cháu Th do anh Ch nuôi dưỡng, hiện nay các cháu vẫn phát triển bình thường về mọi mặt, mặc khác hiện nay cháu Đ là bé gái còn nhỏ cần được sự chăm sóc của người mẹ. Do đó để bảo đảm sự phát triển của con chung, cần giao cháu Đ cho chị Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Đối với yêu cầu của anh Ch xin nuôi cả hai cháu Th và Đồng không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng, nhưng anh lại không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên yêu cầu của anh không được chấp nhận, xét thấy hiện nay cháu Th do anh Ch chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Th có nguyên vọng sống với anh Ch, Do đó Hội đồng xét xử tôn trọng theo nguyện vọng của cháu Th theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. HĐXX giao cháu Lê Hoàng Th cho anh Ch chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị Tr và anh Ch không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh Ch xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Là 300.000đ buộc chị Trịnh Ngọc Tr phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trịnh Ngọc Tr về việc xin ly hôn với anh Lê Văn Ch.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Ngọc Tr ly hôn với anh Lê Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Kim Đ – sinh ngày 22/5/2018 cho chị Trịnh Ngọc Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hoàng Th – sinh ngày

01/5/2014 cho anh Lê Văn Ch chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Tr anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh chị có quyền làm đơn yêu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trịnh Ngọc Tr nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006550, ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Hữu Thạnh